SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TIỂU CẦN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 766/TB-BVĐKKV	*Tiểu Cần, ngày 24 tháng 8 năm 2023*

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua Vật tư y tế; Sinh phẩm chẩn đoán; Hóa chất xét nghiệm; Trang thiết bị sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS.Nguyễn Thị Kiều Tiên, Nhân viên Khoa Dược.

Điện thoại: 0901.098.880; 02943.861104 (Khoa Dược).

Email: tientientv0411@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, Xã Phú Cần, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh.

Đồng thời đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi bản scan báo giá và file qua địa chỉ email sau: bvdktieucan@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2023 đến trước 17 giờ ngày 11 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Vật tư y tế; Sinh phẩm chẩn đoán; Hóa chất xét nghiệm; Trang thiết bị sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần năm 2023, bao gồm:

- Danh mục Vật tư y tế, bao gồm 156 mặt hàng;
- Danh mục Sinh phẩm chẩn đoán, bao gồm 19 mặt hàng;

Được quét bằng CamScanner

- Danh mục Hóa chất xét nghiệm, bao gồm 77 mặt hàng;
- Danh mục Trang thiết bị, bao gồm 33 mặt hàng.

(Đính kèm Phụ lục 1)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần; Địa chỉ: Ấp Đại Mong, Xã Phú Cần, Huyện Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 48-72 giờ, theo dự trù hàng tuần/tháng của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và đã được đối chiếu công nợ.

5. Các thông tin khác:

Trên đây là Yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần kính gửi đến Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam. Báo giá thực hiện theo Mẫu báo giá kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế.

(Đính kèm Phụ lục 2)

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng tải Website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCG.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TIỂU CẦN

Nguyễn Thiên Lộc

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 1

DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 766/TB-BV ĐKKV ngày 24/08/2023 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần)

1. Danh mục Vật tư y tế, bao gồm 156 mặt hàng:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
	Phần số 1: Bông, băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương (bao gồm 17 mặt hàng)			
1	Băng bột bó 10cm x 2,7m	98% thạch cao, không dung môi.	480	Cuộn
2	Băng bột bó 15cm x 2,7m	98% thạch cao, không dung môi.	360	Cuộn
3	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	98% thạch cao, không dung môi.	360	Cuộn
4	Băng cá nhân	Miếng 2cm x 6cm, độ dính tốt, không kích ứng da	12.000	Miếng
5	Băng chỉ thị hấp ướt	Kích thước: 12mm x 50m. Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	20	Cuộn
6	Băng keo lụa y tế	Kích thước ≥ (1,25cm x 5m). Sợi polyester nền không đan dệt, mềm mại, keo acrylic, có độ dính tốt.	4.500	Cuộn
7	Băng thun 2 móc	Kích thước: 7,5cm x 4,5m. Băng thun màu trắng, sợi polyester, spendex và sợi cotton.	200	Cuộn
8	Băng thun 3 móc	Kích thước: 10cm x 5,5m. Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không ghỉ để cố định băng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	400	Cuộn
9	Băng vải cuộn y tế	Kích thước: 9cm x 2m. Chất liệu: Cotton 100%.	6.000	Cuộn
10	Bông không thấm nước y tế (Bông mỡ)	Không thấm nước được sản xuất từ 100% bông xơ tự nhiên.	20	Kg
11	Bông Y tế	Bông y tế, thấm nhanh, trắng mịn, không tưa	380	Kg
12	Bông viên vô khuẩn	Gói 25g	500	Gói

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
13	Dây garô	Băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc; Chất liệu: Thun cotton màu xanh;Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO	300	Cái
14	Gạc hút	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10.000	Mét
15	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Kích thước 30cmx30cmx6 lớp, cản quang tiệt trùng. Gói 5 miếng.	50	Gói
16	Gạc vaselin	18cm x 20cm. Gạc hút nước, đuọc tẩm vaselin dược dụng vào từng lớp gạc.	150	Miếng
17	Kẹp rốn tiệt trùng	Được sản xuất trong phòng sạch từ nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế, chất liệu tốt, độ kín khít cao.	300	Cái
	Phần số 2: Dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương, Hóa chất xử lý nước thải, Hóa chất phòng mổ, Nước cất (bao gồm 13 mặt hàng)			
1	Cloramin B	Chất tẩy rửa sát trùng dạng bột tinh thể màu trắng, có đặc tính đa năng, hạn sử dụng lâu dài không bị giảm hiệu quả sử dụng. Có tính năng tiệt trùng cao. Thành phần: Sodium benzensulfochloramin Hàm lượng Clo hoạt tính tối thiểu 25% NaOH tối đa 0,8%	150	Kg
2	Cồn 70º	Cồn y tế với hàm lượng Ethanol 70%; Được sử dụng để vệ sinh, khử trùng tay cho phẫu thuật viên và dụng cụ y tế; Không màu, có mùi đặc trưng.	500	Lít
3	Cồn 90º	Cồn y tế với hàm lượng Ethanol 90%; Được sử dụng để vệ sinh, khử trùng tay cho phẫu thuật viên và dụng cụ y tế; Không màu, có mùi đặc trưng.	600	Lít
4	Dung dịch Javen	Dung dịch màu vàng nhạt ≥ 7 %, mùi hắc.	300	Lít
5	Dung dịch ngâm rửa dụng cụ	Polyhexanide, didecyldimethylammonium chloride, ion Mg2+ và Ca2+, phức hợp tẩy rửa hoặc tương đương.	20	Lít
6	Dung dịch rửa tay phẫu thuật viên 4%	Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4% hoặc thành phần có cấu tạo tương đương.	5	Lít
7	Dung Dịch Sát Khuẩn Dụng Cụ 14 ngày	Hoạt chất Ortho-Phthaldehyde: 0,55% và thành phần trơ: 99,45% hoặc tương đương.	20	Lít
8	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	100ml chứa Ethanol, n-Propa-nol. Bổ sung một số chất bảo vệ da:	200	Lít

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		Panthenol (provitamin B5), Bisabolol và Allantoine hoặc tương đương.		
9	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Dung dịch Glutaraldehyde 2%. Dung dịch đệm pH6 với sự hiện diện của chất xúc tác bề mặt hoặc tương đương.	5	Lít
10	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác	Chứa chất hoạt động bề mặt không ion và anion, chất cô lập các ion kim loại, chất ổn định, hỗn hợp 5 enzyme (Protease, lipase, amylase, mannanase, cellulase), thành phần khác, tẩy rửa hiệu quả cao với mọi loại chất bẩn.	25	Lít
11	Nước cất	Nước tinh khiết, nguyên chất, đã tiệt trùng. Thành phần hoàn toàn tự nhiên và nguyên bản không chứa các tạp chất hữu cơ hay vô cơ. Can 30 lít.	100	Lít
12	Viên sát khuẩn	Thành phần: Natri Dichloroisocyanutrale khan 50%, Adipic Acid 22.5%, các thành phần khác 27,5% hoặc tương đương.	8.000	Viên
13	Vôi sô đa (Dùng cho máy gây mê)	Không chứa NaOH / KOH, không tương tác với sevofluran hoặc các chất gây mê đường hô hấp khác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	10	Kg
	Phần số 3: Bơm tiêm, kim tiêm, dây truyền, dây dẫn, găng tay và túi, lọ và vật tư bao gói khác (bao gồm 35 mặt hàng)			
1	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	500	Cái
2	Bơm tiêm 1ml (Khí máu động mạch)	các cỡ, tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	500	cái
3	Bơm tiêm insulin 1ml	các cỡ, tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	500	cái
4	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	Dung tích 10ml kèm kim 23G, 25G và các cỡ khác theo yêu cầu; Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn;Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP; Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	25.000	Cái
5	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 1ml	Cỡ kim 25G, 26G x 1½", 26G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu; Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn;Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP; Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương.	20.000	Cái

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
6	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml	Cỡ kim 23G x 1½" và các cỡ khác theo yêu cầu; Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn; Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP; Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương.	5.000	Cái
7	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 50ml	Dung tích 50ml. Chất liệu polypropylene, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương.	500	Cái
8	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn; Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn; Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP; Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	80.000	Cái
9	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn; Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn; Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP; Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	40.000	Cái
10	Dây hút dịch phẫu thuật	Chất liệu nhựa dùng trong y tế. Ống đường kính 8mm, dài 1,8-2,2m. Đóng gói: gói 1 cái. Tiệt trùng bằng khí EO.	100	Cái
11	Dây hút đàm có van kiểm soát	Các số 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Chiều dài ≥ 500mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Sợi
12	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Chất liệu nhựa tổng hợp y tế không độc tố. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài 150cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	300	Sợi
13	Dây thở Oxy 2 nhánh người lớn	Dây dẫn chiều dài ≥2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	1.500	Sợi
14	Dây thở Oxy 2 nhánh trẻ em	Các size: XS, S, M. Dây dẫn chiều dài ≥2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	500	Sợi
15	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch lọc khí, chiều dài dây dẫn 150cm-200cm, có van khóa điều chỉnh, có màng lọc khí. Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20.000	Bộ

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
16	Găng tay dài sản khoa chưa tiệt trùng	Size 6,5-7-7,5. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Dài 450mm ± 5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	1.000	Đôi
17	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các cỡ	Size 6,5-7-7,5. Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Chiều dài tối thiểu 280mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10.000	Đôi
18	Găng tay y tế chưa tiệt trùng	Size S,M. Găng tay y tế có bột chưa tiệt trùng chuyên dùng trong y tế, được sản xuất từ cao su tự nhiên, sử dụng trong thăm khám. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	150.000	Đôi
19	Hộp đựng kim hủy	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế, cỡ 6.8 lít. Màu vàng y tế, nắp đỏ. Nắp bình kín và đậy lại rất khít khi sử dụng xong, miệng bình thiết kế dạng răng cưa và đủ lớn để cho vật sắc nhọn mà không cần lực đẩy. Nắp có thể đóng mở và có khóa cài chắc chắn. Có tay xách hoặc hệ thống cố định tiện dụng.	250	Hộp
20	Kim châm cứu các loại	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần, các số 1,2,3,4,5. Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, dẫn điện tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200.000	Cái
21	Kim luồn tĩnh mạch các số	Các số 18G, 20G, 22G, 24G; Có 4 vạch cản quang trên thân catheter, có cánh. Mũi kim được cắt vát ba lần, sắc nhọn, Silicon phủ đầu kim giảm thiểu đau. Buồng chặn có màng lọc PTFE kháng khuẩn, chống chảy tràn. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	25.000	Cây
22	Kim nha khoa	Cỡ kim: 27G. Chiều dài kim: 21mm. Hộp 100 cái. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC hoặc tương đương.	3.000	Cái
23	Kim rút thuốc	Đế kim được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, hiển thị màu để phân biệt cỡ kim, không có chất DEHP. Cỡ kim 18Gx1 1/2"" (kim sắc bén, không bị oxi hóa). Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	25.000	Cây
24	Lancet lấy máu	Thép không gỉ, tiệt trùng.	5.000	Cây
25	Lọ đựng bệnh phẩm phân xét nghiệm	Lọ 50ml, nắp đậy phải kín. Có chất bảo quản.Được làm từ chất liệu nhựa dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	2.000	Cái

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
26	Lọ đựng nước tiểu	Lọ 50ml, nắp đậy phải kín. Có chất bảo quản. Được làm từ chất liệu nhựa dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	7.000	Lọ
27	Nút đậy kim luồn có Heparin	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	4.000	Cái
28	Ống HCT (Hematocrite)	Bằng thủy tinh, trắng trong. Đóng gói: 100 ống/tube. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	Tube
29	Ống nghiệm nắp đen có chứa Heparin	Ống nghiệm nhựa, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	15.000	Tuýp
30	Ống nghiệm nắp đỏ SERUM Plast (Có hạt)	Nắp màu đỏ, có chứa hạt nhựa poly styrene. Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát. Độ PH trung tính. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	2.000	Cái
31	Ống nghiệm nắp xanh có chất chống đông EDTA	Ống nghiệm EDTA, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	32.000	Ống
32	Đầu col	Đầu col xanh, vàng. Chất liệu: Nhựa y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20.000	Cái
33	Sáp HCT (dùng cho ống Hematocrit)	Dùng cho ống Hematocrit sử dụng để chặn một đầu ống hematocrit/ống mao quản trước khi đưa ống vào máy ly tâm máu.	5	Hộp
34	Túi hứng máu (theo dõi mất máu sau sinh)	Chất liệu màng nhựa PE trong, có vạch chỉ thể tích đến 2000ml, vạch chia nhỏ nhất 100ml. Có 2 băng keo dán định vị. Tiệt trùng bằng khí OE. Đóng gói: 1 Cái/ gói.Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
35	Túi nước tiểu có dây	Dung tích ≥ 2000ml. Với ổ cắm phía dưới, ống hút gió 90cm. Có khóa val chữ T và dây treo. Sản phẩm dùng để đựng nước tiểu của bệnh nhân không thể di chuyển đi vệ sinh. Túi nước tiểu chỉ được sử dụng một lần duy nhất.	300	Cái
	Phần số 4: Mask khí dung, ống thông, ống dẫn lưu, sonde các loại, bộ rửa dạ dày, gel siêu âm, bóp bóng (bao gồm 20 mặt hàng)			
1	Airway các số (Canun mở khí quản)	Nguyên liệu bằng vật liệu PE, mã hóa màu theo size cỡ; Số 2/70m; số 3/80mm; số 4/90mm; số 5/100mm; các cạnh trơn nhẵn mềm mại hạn chế tổn thương, đóng gói tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	50	Cái

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
2	Bóng gây mê 0.5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít	Bóng gây mê dùng cho máy gây mê dùng 1 lần, có móc treo cuối đuôi bóng. Chất liệu nhựa Polypropylen. Thể tích từ 0.5-3 lít. Tiệt khuẩn. Tiêu chuẩn chất lượng ISO,CE hoặc tương đương.	20	Cái
3	Bóp bóng người lớn, trẻ em, sơ sinh	Nguyên liệu PVC y tế không chứa latex. Người lớn thể tích 1500ml, túi trữ khí PE 2500ml, mặt nạ thở PVC, PC, dây oxy PVC; Trẻ em thể tích bơm bóng 320ml (trẻ em). Thể tích túi trữ khí 550ml(trẻ em); Sơ sinh thể tich 280ml; Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE hoặc tương đương.	10	Cái
4	Bộ dụng cụ điều hoà kinh nguyệt Karman	Ống hút bằng nhựa trong, mềm dẻo, đầu hút trơn láng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100	Bộ
5	Bộ rửa dạ dày	chất liệu tốt, loại sử dụng một lần, gói 1 bộ, sử dụng cho người lớn và trẻ em.	180	Bộ
6	Canuyn mở khí quản	Các số 6,8. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10	Cái
7	Gel điện tim	Tube 250 ml, hộp 1 tube, đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	Tube
8	Gel siêu âm	Can 5 kg hoặc 5 lít. Gel bôi trơn gốc nước được dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa.	25	Can
9	Khóa 3 chạc có dây 50cm	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	300	Bộ
10	Mask khí dung người lớn có dây	Size: XL, L. Chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế, Mask với dây đeo đàn hồi.Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	1.500	Cái
11	Mask khí dung sơ sinh có dây	Size: XS. Chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế, Mask với dây đeo đàn hồi. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Cái
12	Mask khí dung trẻ em có dây	Size: M, S. Chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế, Mask với dây đeo đàn hồi. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	600	Cái
13	Mask oxy có túi dự trữ	Có kẹp mũi, dây nối 2,1m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	500	Cái
14	Ống dẫn lưu Penrose	Dùng dẫn lưu dịch vết thương, vết mổ. Kích thước: 0,6 - 2,5 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100	Ống
15	Ống nội khí quản các số	Các số, Chất liệu PVC y tế nhạy nhiệt, không độc hại, không gây kích ứng, sử dụng 1 lần, vô trùng ETO, không pyrogenic, không phthalate. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	300	Cái

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
16	Ống thông dạ dày silicon	Các số: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Cái
17	Sonde cho ăn (sonde dạ dày)	Được sử dụng để dẫn lưu dạ dày các size 8,10,14,16, 18GFG chiều dài 122cm, chiều dài hiệu quả sử dụng 119cm; Được làm từ nhựa PVC y tế không độc hại, DEHP free;Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương.	200	Cái
18	Sonde Foley 2 nhánh	Các số 6, 8, 10, 12, 14, 16. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Cái
19	Sonde hậu môn	Các số 16,18,20,23, 26, 28. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Cái
20	Sonde Nelaton vô khuẩn	Các số 8,10,12,14,16,18, 20; Nguyên liệu PVC y tế đặc biệt màu trắng đục mềm và thân trơn giúp dễ luồn; Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	300	Cái
	Phần số 5: Chỉ khâu không tiêu, Chỉ khâu tự tiêu, lưỡi dao mổ (bao gồm 10 mặt hàng)			
1	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 2/0	Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	360	Sợi
2	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 3/0, 4/0	Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	1.500	Sợi
3	Chỉ khâu không tiêu Nylon cỡ 5/0	Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	360	Sợi
4	Chỉ không tiêu đa sợi Silk các số 1/0,2/0,3/0 Kim tròn	Chỉ có cấu tạo từ sợi protein tự nhiên được chiết xuất từ tơ tằm và được phủ một lớp silicon hoặc sáp giúp hạn chế sự hấp thụ và giảm thiểu kích ứng mô, Chỉ có độ căng dây cao, khả năng giữ vết khâu tốt hoặc chỉ có cấu tạo tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	360	Sợi
5	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylen tổng hợp số 1/0, 2/0, 3/0, số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polypropylen, sợi tròn đều, dễ uốn, đàn hồi tốt và được phủ một lớp silicon hoặc chỉ có cấu tạo tương đương.	150	Tép

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.		
6	Chỉ Polyglycolic acid (PGA), tiêu đa sợi các cỡ 2/0, 3/0, 4/0, 5/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi xoắn Polyglycolic acid với lớp phủ tổng hợp, giúp sợi chỉ có độ đàn hồi cao, thời gian hấp thu dài, ít gây viêm nhiễm. Chỉ phẫu thuật sẽ dần dần được hấp thu và tan hoàn toàn trong vòng 90 ngày hoặc các chỉ có cấu tạo tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	120	Sợi
7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 cỡ 2/0, 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0, 3/0 . kim tròn đầu tròn, 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	120	Sợi
8	Chỉ tiêu chromic các cỡ 2/0, 3/0, 4/0 kim tròn	Chỉ Chromic 2/0, 3/0, 4/0 kim tròn, kim tam giác, kim dài 24mm (Catgut) hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	600	Sợi
9	Chỉ thép Patella hoặc tương đương	chỉ thép các số 7,8; chỉ thép đơn sợi gắn liền 1 kim cắt, kim tam giác 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	60	Tép
10	Lưỡi dao mổ vô khuẩn	Số 10,11,12. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	2.000	Cái
	Phần số 6: Khẩu trang, giấy đo điện tim, giấy in nhiệt, que đè lưỡi gỗ, túi ép tiệt trùng, test thử lò hấp (bao gồm 15 mặt hàng)			
1	Giấy đo điện tim 3 cần	Kích thước 63mm x 30m. Dùng cho máy điện tim 3 cần. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	500	Cuộn
2	Giấy đo điện tim 3 cần	Kích thước 80mm x 20m. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	100	Cuộn
3	Giấy in nhiệt	Dùng cho máy in của máy hấp AUTOCLAVE; Độ rộng cuộn giấy: 57 mm; Đường kính ngoài cuộn giấy: 38 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	Cuộn
4	Giấy y tế	Kích cỡ: 40cm x 50cm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	150	Kg
5	Khẩu trang giấy 3 lớp	Có khả năng ngăn chặn các hạt vi mô, không gây dị ứng da, thanh tựa mũi dễ định hình, dây đeo chắc chắn co giãn tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100.000	Cái

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
6	Khẩu trang N95	Hiệu suất lọc khuẩn > 99%, vật liệu đệm mũi mềm, thoái mái. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	300	Cái
7	Khẩu trang than hoạt tính	Lớp vải lọc khí và lớp vải than hoạt tính không gây dị ứng da,thanh tựa mũi dễ định hình,dây đeo chắc chắn co giãn tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10.000	Cái
8	Nón giấy phẫu thuật tiệt trùng	Nguyên liệu: vải không dệt, chất liệu dày dặn. Thun chắc chắn ôm sát đầu nhưng mềm mại, không làm đau khi sử dụng lâu. Tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	500	Cái
9	Que đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Làm bằng gỗ, gói /cái tiệt trùng, hộp/100 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20.000	Cây
10	Test chỉ thị hóa học	Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, áp suất) kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ lớp 5 (class 5) dùng cho quy trình tiệt khuẩn hơi nước. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	500	Test
11	Test thử lò hấp	Test thử lò hấp 3 thông số, 50 miếng/ hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	250	Test
12	Túi ép tiệt trùng dẹp (10cm x 200m)	Kích cỡ: 10cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	Cuộn
13	Túi ép tiệt trùng dẹp (15cm x 200m)	Kích cỡ: 15cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	24	Cuộn
14	Túi ép tiệt trùng dẹp (20cm x 200m)	Kích cỡ: 20cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	Cuộn
15	Túi ép tiệt trùng dẹp (7,5cm x 200m)	Kích cỡ: 7.5cm x 200m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5	Cuộn
	Phần số 7: Máy huyết áp và vật tư máy huyết áp (bao gồm 07 mặt hàng)			
1	Áo vải huyết áp lớn	Chất liệu: Bao vải được làm từ chất liệu vải mềm cao cấp không gây đau rát hay làm trầy xước da người sử dụng.	50	Cái
2	Bo máy huyết áp	Bo cao su dùng để thay thế trong máy đo huyết áp.	50	Cái
3	Máy đo huyết áp người lớn (bền, chính xác, bao vải quấn dính tốt)	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20-300mmHg, độ chính xác +-3mmHg, hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hóa, có độ bền cao	50	Bộ

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
4	Máy đo huyết áp trẻ em (bền, chính xác, bao vải quấn dính tốt)	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20-300mmHg, độ chính xác +-3mmHg, hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hóa, có độ bền cao	15	Bộ
5	Ống nghe, tai nghe y tế 2 dây	Ống nghe tim, mạch, phổi 02 tai, cho âm thanh rõ, hạn chế tạp âm.	50	Cái
6	Ruột huyết áp lớn	Ruột cao su dùng để thay thế trong máy đo huyết áp.	50	Cái
7	Van máy huyết áp	Dùng thay thế trong máy huyết áp cơ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Cái
	Phần số 8: Film X Quang sử dụng cho máy FUJIFILM DRYPIX 6000 hoặc tương đương (bao gồm 01 mặt hàng)			
1	Phim khô kỹ thuật số 10x12 inch (25 x 30cm)	Kích thước: Phim khô kỹ thuật số 10x12 inch (25 x 30cm); Tương thích với máy in máy FUJIFILM Drypix 6000	20.000	Tấm
	Phần số 9: Film X Quang kỹ thuật số AGFA DRYSTAR DT 5000i B hoặc tương đương (bao gồm 01 mặt hàng)			
1	Phim X-Quang Y tế 14x17 inch (35x43 cm)	Kích thước: Phim X-Quang kỹ thuật số 14x17 inch (35x43cm); Công nghệ in: khô, kỹ thuật số trực tiếp; Thành phần: PET dày 168µm, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước, chống ẩm; Đậm độ quang học tối đa ≥3.1; Phim không bị hư khi tiếp xúc với ánh sáng, có thể lấy tờ phim ra khỏi khay phim mà không bị hư; Sử dụng cho các dòng máy in phim khô với công nghệ kỹ thuật số trực tiếp, tương thích máy in Agfa	3.000	Tấm
	Phần 10: Vật tư chấn thương chỉnh hình (bao gồm 12 mặt hàng)			
1	Dụng cụ uốn nẹp	Kích thước 3.5, 4.5cm.	2	Cái
2	Đinh Kirschner các kích cỡ	Kích cỡ: 1.6, 1.8, 2.0, 2.2, 2.5, 3.0, 3.5mm. Thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	70	Cây
3	Đinh Kirschner các kích cỡ	Kích cỡ: 1.0, 1.2, 1.5mm. Có răng. Thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc	30	Cây

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		tương đương.		
4	Đinh Kirschner các kích cỡ	Kích cỡ: 1.0, 1.2, 1.5mm. Không răng. Thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	30	Cây
5	Nẹp cẳng tay	Chất liệu: Thép không gỉ, kích thước 6-8 lỗ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	30	Cái
6	Nẹp lòng máng xương cẳng tay	Chất liệu: Thép không gỉ, kích thước 6-8 lỗ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	30	Cái
7	Vis mắt cá 4.0	Bằng thép không gỉ cỡ 4mm, dài các cỡ 40, 42, 44, 46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
8	Vis mắt cá 4.5	Bằng thép không gỉ cỡ 4.5mm, dài các cỡ 40, 42, 44, 46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
9	Vis vỏ 3.5mm	Đường kính thân vít tính cả ren 3.5mm, dài các cỡ 12,14,16,18mm, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
10	Vis vỏ 4.5mm	Đường kính thân vít tính cả ren 4.5mm, dài các cỡ 12,14,16,18mm, chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
11	Vis xốp 4.0mm	Bằng thép không gỉ cỡ 4,0mm, dài các cỡ 40, 42, 44, 46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
12	Vis xốp 4.5mm	Bằng thép không gỉ cỡ 4.5mm, dài các cỡ 40, 42, 44, 46mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Cái
	Phần số 11: Oxy y tế (bao gồm 03 mặt hàng)			
1	Khí Oxy Dược dụng	khí oxy dùng trong y tế	20.000.000	Lít
2	Khí Oxy Y Tế - bình 5m³	khí oxy dùng trong y tế, bình 5m³ (40 lít)	300	Bình
3	Khí Oxy Y Tế - bình 1.5m³	khí oxy dùng trong y tế, bình 1.5m³	50	Bình
	Phần số 12: Vật tư y tế dùng trong nha khoa (Bao gồm 22 mặt hàng)			
1	Cây lèn các số	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10	Cây
2	Composite đặc Z250 (Màu A3)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	tuýp

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
3	Composite đặc Z250 (Màu A3.5)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	tuýp
4	Composite lỏng Z250 (Màu A3)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	tuýp
5	Composite lỏng Z250 (Màu A3.5)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	tuýp
6	Cone gutta pecha các số	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	Hộp
7	Cone giấy các loại	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	Hộp
8	Cone phụ A,B,C,D	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	40	Hộp
9	Dầu tra tay khoan nha khoa	Thành phần dầu khoáng trắng, kết hợp hương bạc hà dễ chịu. Thành phần tinh khiết, ngăn sự lắng đọng vi cặn trong các ổ trục, giúp tay khoan vận hành an toàn và trơn tru hơn, đảm bảo chất lượng lâu bền. Chai ≥500ml	2	Chai
10	Endomethason (Cortisomol)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	1	Chai
11	Etchat gel	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	10	Cây
12	Eugenol	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	5	Chai
13	Fuji 9 các màu (A3, A3.5)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	1	Hộp
14	Keo Bonding	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	2	Chai
15	Lentulo xanh, đỏ	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Hộp
16	Mặt gương nha	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100	Cái
17	Nhám kẻ	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Sợi
18	Sò đánh bóng	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100	Con
19	Thước đo nội nha	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	2	Cây
20	Trâm dũa ống tủy (các số)	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	50	Hộp
21	Trâm gai xanh, vàng	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	100	Hộp
22	Zinc Oxide	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	200	Gram

Được quét bằng CamScanner

2. Danh mục Sinh phẩm chẩn đoán, bao gồm 19 mặt hàng:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Anti A 10ml (10ml/ lọ)	Đạt các tiêu chuẩn sau: ISO; CFS ; GDP	8	Lọ
2	Anti AB 10ml (10 ml/lọ)	Đạt các tiêu chuẩn sau: ISO; CFS ; GDP	8	Lọ
3	Anti B 10ml (10 ml/lọ)	Đạt các tiêu chuẩn sau: ISO; CFS ; GDP	8	Lọ
4	Anti D 10ml (10 ml/lọ)	Đạt các tiêu chuẩn sau: ISO; CFS ; GDP	8	Lọ
5	Que thử Dengue IgG - IgM	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	450	Que
6	Que thử Dengue NS1	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	800	Test
7	Que thử đường huyết	Dùng được cho máy Accucheck - Active (hoặc tương đương); ISO,CE	11.000	Que
8	Que thử ma túy tổng hợp (Morphin-THC-MET-MDMA)	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	300	Test
9	Que thử Morphin/Heroin	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	300	Test
10	Que thử nước tiểu 11 thông số	Sản phẩm đạt các chứng nhận chất lượng sau : ISO 13485 : 2012 ; CE ; FDA ; GDP.	7.000	Test
11	Test HBeAg	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	500	Test
12	Test chẩn đoán HIV 1/2	Độ nhạy - Độ đặc hiệu: 99,9%- 99,6% Đạt các tiêu chuẩn : ISO , CE , CFS , GMP , GDP , WHO	2.000	Test
13	Test chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Sản phẩm đạt đúng kích thước tiêu chuẩn: 5mm Độ nhạy - Độ đặc hiệu: >99% - 97% Đạt các tiêu chuẩn ISO , CE , CFS , GMP , GDP	1.500	Test
14	Test HBcAb	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	200	Test
15	Test HBsAb	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	500	Test
16	Test nhanh chẩn đoán bệnh viêm đường ruột do Rotavirus	Độ nhạy - Độ đặc hiệu: >99,9% - 97,8% . Đạt các tiêu chuẩn chứng nhận chất lượng sau: ISO , CE , CFS , GMP , GDP.	500	Test
17	Test nhanh HBeAb	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	500	Test
18	Test nhanh HCV Ab	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	800	Test
19	Test nhanh phát hiện Covid - 19	Đạt tiêu chuẩn ISO,CE hoặc tương đương	500	Test

Được quét bằng CamScanner

3. Danh mục Hóa chất xét nghiệm, bao gồm 77 mặt hàng:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
	Phần số 1: HÓA CHẤT MÁY ION ĐỒ PROLYTE HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Gồm 10 mặt hàng)			
1	Dung dịch rửa Daily Cleaning	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	4	Bộ
2	Hóa chất Ion đồ: Fluid Pack Na/K/Cl	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	32.000	ml
3	Filling Solution	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	400	ml
4	Control, Mission Control	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	27	ml
5	Điện cực Na+	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1	Cái
6	Điện cực K+	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1	Cái
7	Điện cực Cl -	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1	Cái
8	Điện cực Reference	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1	Cái
9	Điện cực Membrane	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1	Cái
10	Dây bơm máy điện giải	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	2	Sợi
	Phần số 2. HÓA CHẤT MÁY SINH HÓA SAT600 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Gồm 28 mặt hàng)			
1	Albumin Kit	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	ml

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
2	Alcohol/Ethanol	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	600	ml
3	Alpha Amylase	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	360	ml
4	Bilirubin Kit (Direct & Total)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1.250	ml
5	Cholesterol	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	8.000	ml
6	CK - MB	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	720	ml
7	CK(NAC/MB) Control	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	24	ml
8	Clinical chemistry calibration serum level 3	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	60	ml
9	C-Reactive Protein	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	810	ml
10	Creatinine Kit	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	4.000	ml
11	CRP Standard	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	30	ml
12	Gama GT	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	800	ml
13	Glucose	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	8.000	ml
14	GOT	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	8.000	ml
15	GPT	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	8.000	ml
16	HDL- Cholesterol Direct	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	800	ml

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
17	Hum asy control 2	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	50	ml
18	Hum asy control 3	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	50	ml
19	LDL-Cholesterol Direct	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	2.400	ml
20	Nước rửa (Dung dịch bazơ pha loãng)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	6.000	ml
21	Nước rửa (Dung dịch acid pha loãng)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	6.000	ml
22	Total Protein	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1.000	ml
23	Triglycerides	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	8.000	ml
24	Urea UV	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	4.000	ml
25	Uric Acid Kit	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1.600	ml
26	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	60	ml
27	Bóng đèn Halogen	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	3	Cái
28	Cuvette cho dòng máy sinh hóa	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1	Bộ
	Phần số 3. HÓA CHẤT MÁY HUYẾT HỌC 23 THÔNG SỐ CELL-DYN RUBY HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Gồm 5 mặt hàng)			
1	Dilu 3200/4000 CD	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của	2.000.000	ml

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		đơn vị.		
2	Lyse CF 3200/4000	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	150.000	ml
3	WBC Sheath	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	150.000	ml
4	CD-Diff Control Low Normal High	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	90	ml
5	RIQAS Monthly Haematology	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	24	ml
	Phần số 4. HÓA CHẤT MÁY HUYẾT HỌC 18 THÔNG SỐ INMESCO HM 1060 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Gồm 4 mặt hàng)			
1	Dilu 3NF	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	320.000	ml
2	Lyse CF 1600-CD NF	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	5.000	ml
3	Detergent Blanc NF	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	80.000	ml
4	CD-Diff Control Low Normal High	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	60	ml
	Phần số 5. HÓA CHẤT MÁY MIỄN DỊCH IMMULINE 1000 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Gồm 15 mặt hàng)			
1	Hóa chất đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
2	Hóa chất định lượng AFP (Alpha Fetoprotein)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test
3	Hóa chất định lượng Ferritin	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test
4	Hóa chất định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test
5	Hóa chất định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test
6	Hóa chất định lượng proBNP (NT-proBNP) KB	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test
7	Hóa chất định lượng Troponin I	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	Test
8	Hóa chất định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1.000	Test
9	Dung dịch SUBS (Cơ chất) 2x500ml	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	2.000	ml
10	Dung dịch PROBE Wash Module 2x100ml	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	4.000	ml
11	Dung dịch PROBE Cleaning	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	200	ml
12	Dung dịch Premium Plus Control tri-level	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	120	ml
13	Cardiac Control tri-level	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	20	ml
14	Sample Cups	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	2.000	Cái
15	Water Test	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	100	Cái
	Phần số 6. HÓA CHẤT MÁY			

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
	LABONACHECK A1C HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Gồm 01 mặt hàng)			
1	Test HbA1C	Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	1200	Test
	Phần số 7: TEST XÉT NGHIỆM H.PYLORI QUA KHÍ THỞ (Bao gồm 01 mặt hàng)			
1	Bộ Kit thử H.Pylori qua hơi thở C14	xét nghiệm vi khuẩn H.pylori qua hơi thở (bao gồm viên Urea C14). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	200	Test
	Phần số 8: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM KHÍ MÁU ĐỘNG MẠCH (Bao gồm 01 mặt hàng)			
1	Thẻ xét nghiệm khí máu động mạch	Mỗi thẻ có cấu tạo cơ bản gồm các thành phần chính sau đây: phần tiếp xúc, kênh cảm biến, buồng dẫn mẫu, buồng chứa mẫu, khoang khí, nắp đậy, giếng bơm mẫu, túi hóa chất. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	300	Thẻ
	Phần số 9: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY ĐÔNG MÁU TOÀN BỘ THROMBOLYZER COMPACT X HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (Bao gồm 08 mặt hàng)			
1	Hóa chất xét nghiệm PT	Dùng để đo thời gian Prothrombin (PT). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	240	ml
2	Hóa chất xét nghiệm APTT	Dùng để đo thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hóa (APTT). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	800	Test
3	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương người.	478	ml

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		Bộ kit hoá chất bao gồm: - Thrombin 100 NIH/ mL - Fibrinogen calibrator - Imidazole buffer - Kaolin suspension 0.5 g/L		
4	Mẫu QC nội kiểm mức bình thường N	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu. Hóa chất đã pha đạt ổn định trong 8 giờ khi bảo quản ở 2 - 8°C; đạt ổn định trong 4 tuần khi bảo quản ở -20°C. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	50	ml
5	Mẫu QC nội kiểm mức bất thường A	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu Hóa chất đã pha đạt ổn định trong 8 giờ khi bảo quản ở 2 - 8°C; đạt ổn định trong 4 tuần khi bảo quản ở -20°C. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	50	ml
6	Cuvette cho dòng máy đông máu tự động	Cóng đo mẫu. Bảo quản nhiệt độ thường. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	3.480	Cái
7	Hóa chất chuẩn PT	Hoá chất được sử dụng để: Thiết lập giá trị ISI và MNPT đặc trưng cho hệ thống máy và thuốc thử sử dụng tại phòng xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	8	ml
8	Hóa chất rửa máy đông máu	Dùng để rửa kim hút mẫu máy đông máy, tránh gây nhiễm chéo. Hóa chất chưa mở nắp đạt ổn định đến hết hạn sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	500	ml
	Phần số 10: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY MAGO4 (Bao gồm 04 mặt hàng)			
1	Hóa chất xét nghiệm HBsAg định lượng	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) thế hệ thứ 4 cho phép chẩn đoán kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết thanh và huyết tương của con người. Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phủ kháng thể chuột đơn dòng kháng HBsAg, chứng âm, chứng dương, chất hiệu chuẩn, đệm rửa đậm	384	Test

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		đặc, dung dịch pha loãng enzyme, enzyme liên hợp, cơ chất, acid sulfuric.Tổng thời gian ủ 150 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 450nm. Độ nhạy chẩn đoán: 100%. Độ đặc hiệu chẩn đoán: 99.5%. Độ chính xác: Mẫu âm tính CV = 16%, Chất hiệu chuẩn 0.5 IU/ml CV = 8%. Độ ổn định: tại 2-8°C trong 18 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.		
2	Hóa chất xét nghiệm HCV Ab miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) phiên bản 4.0 cho sự phát hiện kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần bộ xét nghiệm. Khay vi giếng phủ với peptide lõi, peptide NS3, NS4 và NS5 tái tổ hợp; chứng âm; chứng dương; chất hiệu chuẩn; đệm rửa đậm đặc; enzyme liên hợp; cơ chất; dung dịch pha loãng xét nghiệm; acid sulfuric; pha loãng mẫu; miếng dán khay. Tổng thời gian ủ 105 phút, đọc kết quả ở bước sóng 450nm. Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100%. Độ nhạy chẩn đoán: 100%. Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	384	Test
3	Hóa chất xét nghiệm Toxocara (giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (ELISA) phiên bản 4.0 cho sự phát hiện kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần bộ xét nghiệm: Khay vi giếng phủ với peptide lõi, peptide NS3, NS4 và NS5 tái tổ hợp; chứng âm; chứng dương; chất hiệu chuẩn; đệm rửa đậm đặc; enzyme liên hợp; cơ chất; dung dịch pha loãng xét nghiệm; acid sulfuric; pha loãng mẫu; miếng dán khay Tổng thời gian ủ 105 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 450nm Độ đặc hiệu chẩn đoán: 100% Độ nhạy chẩn đoán: 100% Độ ổn định: từ 2-8°C trong 18 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương. Sử dụng được trên máy của đơn vị.	384	Test
4	Đầu côn	Đầu côn hút hóa chất và mẫu, sử dụng được cho máy xét nghiệm MAGO 4 tại đơn vị. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	384	Cái

Được quét bằng CamScanner

4. Danh mục Trang thiết bị, bao gồm 33 mặt hàng:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
	Phần 1: Máy điện châm, dây điện châm (gồm 02 mặt hàng)			
1	Dây máy điện châm	Dùng cho máy điện châm 5 giắc.	40	Sợi
2	Máy điện châm	Máy gồm 5 đầu giắc cắm sử dụng nguồn điện 6V, biên độ xung 90 đến 120v, tần số 0,5Hz đến 50Hz. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	20	Cái
	Phần 2: Máy phun khí dung (gồm 01 mặt hàng)			
1	Máy phun khí dung	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Lưu lượng khí tự do: >= 10ml/phút. Áp suất vận hành: >= 1.15bar. Tốc độ xông tối đa: 0.4 ml/phút (6ml/15 phút). Kích thước hạt: 1,5 - 10µm. Kích thước hạt nhỏ MMAD (Đường kính trung bình khi động học). Xấp xỉ 3µm. Dung tích bầu xông: 6ml.	10	Cái
	Phần 3: Dây cáp cảm biến SpO2 sơ sinh (gồm 01 mặt hàng)			
1	Dây cáp cảm biến SpO2 dùng cho máy đo SpO2 sơ sinh	Thiết kế cảm biến SpO2 quấn bàn chân trẻ sơ sinh, dây quấn dạng silicone mềm, không làm đau chân trẻ nhỏ khi sử dụng lâu. Dây cảm biến SPO2 gồm 2 phần: đoạn nối dài và đoạn cảm biến, tổng chiều dài ≥1.5m. Đầu cắm vuông kết nối vào máy đo SPO2 chuẩn 7 kim. Có thể sử dụng nhiều lần.	5	Cái
	Phần 4: Cân sức khỏe (gồm 02 mặt hàng)			
1	Cân sức khỏe 120 kg	Đạt tiêu chuẩn ISO. Phạm vi cân: từ 20 – 120 kg. Phân độ nhỏ nhất: 0,5 kg - Sai số cân: Từ 20 kg đến 50 kg: ± 0,5 kg. Từ 50 1kg đến 100 kg: ± 1 kg. Trên 100 kg: ± 1,5 kg	1	Cái
2	Cân sức khỏe 20kg có máng nằm	Đạt tiêu chuẩn ISO. Phạm vi cân từ 500 gr đến 20kg. Giá trị độ chia 50g. Sai số tối thiểu: ± 25g, tối đa: ± 75g	1	Cái
	Phần 5: Đồng hồ oxy, Bình làm ẩm			

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
	oxy của đồng hồ oxy (gồm 02 mặt hàng)			
1	Đồng hồ oxy	Hộp/cái. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	10	Cái
2	Bình làm ẩm oxy của đồng hồ oxy	Hộp/cái. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	30	Cái
	Phần 6: Điện cực tim, Nhiệt kế điện tử (gồm 02 mặt hàng)			
1	Điện cực tim	Đường dẫn truyền cao, chính xác. Bề mặt kết dính rất chắc chắn và an toàn với da; Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc tương đương	100	Miếng
2	Nhiệt kế điện tử	Nhiệt kế đo thân nhiệt bằng đèn hồng ngoại. Có thể đo nhiều vị trí: Trán, tai, miệng. Có độ chính xác cao.Dễ sử dụng, loại cầm tay. Tầm đo: 34.0°C – 42°C. Vật thể: 0°C –100°C. Nhiệt độ hoạt động thân nhiệt: 16°C - 40°C	5	Cái
	Phần 7: Xe đẩy bệnh nhân (gồm 01 mặt hàng)			
1	Xe đẩy bệnh nhân	Xe có gắn 2 vòng lăn hai bên, thiết kế phanh tay đẩy dễ dàng và hãm lại khi cần thiết; Có đai điều chỉnh được chiều dài; Độ rộng ghế ngồi: 44cm; Chiều rộng cả xe: 63cm; Chiều cao tựa lưng: 46cm; Chiều cao từ mặt đất lên chỗ ngồi: 45cm; Chiều cao chỗ để tay 24cm; Khung xe làm bằng inox 304 hoặc tương đương; Ghế bằng chất liệu vải; Tải trọng ≥100kg; Bánh trước xoay 360 độ; Bánh sau 20inch, thiết kế lốp cao su đặc có rãnh ma sát; Có thể gập lại gọn gàng tiện cho việc di chuyển, bảo quản.	10	Cái
	Phần 8: Trang thiết bị dùng trong tập vật lý trị liệu, phục hồi chức năng (gồm 22 mặt hàng)			
1	Điện cực (máy điện xung trung tần)	Kích thước 97mm x 66mm (lớn)	5	Cặp
2	Điện cực (máy điện xung trung tần)	Kích thước 75mm x 46mm (nhỏ)	5	Cặp
3	Tạ tay 1 kg	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái
4	Tạ tay 2 kg	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái
5	Tạ tay 3 kg	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái
6	Tạ chân 1 kg	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái

Được quét bằng CamScanner

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
7	Tạ chân 2 kg	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái
8	Tạ chân 3 kg	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái
9	Ghế tập cơ đùi (có tạ)	dùng trong tập vật lý trị liệu.	1	Cái
10	Ghế tập khớp gối	dùng trong tập vật lý trị liệu.	1	Cái
11	Khung tập đi (chữ U)	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	1	Cái
12	Nạng chống nách	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	1	Cặp
13	Thanh song song	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	1	Cái
14	Bục gỗ	dùng trong tập vật lý trị liệu. Chiều ngang 25 cm x dài 50 cm x cao 20 cm	2	Cái
15	Thước đo tầm vận động khớp	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: sắt	2	Cái
16	Bàn lăn massage	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: gỗ	2	Cái
17	Bóng tập yoga	dùng trong tập vật lý trị liệu. D # 65 cm	1	Quả
18	Bóng gai cao su bơm hơi tập tay	dùng trong tập vật lý trị liệu.	5	Quả
19	Bóng cao su	dùng trong tập vật lý trị liệu. D # 20 cm	2	Quả
20	Bộ xếp hình trụ bằng gỗ	dùng trong tập vật lý trị liệu.	2	Cái
21	Dụng cụ quay tay	dùng trong tập vật lý trị liệu. chất liệu: inox	1	Cái
22	Giường châm cứu xoa bóp bấm nguyệt	Dùng trong tập vật lý trị liệu. Trọng lượng: 16kg - 17kg. Kích thước: Dài 186cm gấp gọn còn 93cm, rộng 60cm, cao tùy chỉnh từ 52cm - 78cm. Trọng tải < 600kg. Khung nệm giường chia ra làm 2 phần, có thể lắp thêm gối. Vải nệm bọc da PU có độ bền cao, dễ lau chùi.	3	Cái

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 2

Mẫu báo giá Kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Y tế

TÊN ĐƠN VỊ :....
ĐỊA CHỈ :...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng .....năm 2023

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

1.1. Danh mục Vật tư y tế, bao gồm 156 mặt hàng:

STT	Danh mục thiết bị y tế[2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Được quét bằng CamScanner

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Được quét bằng CamScanner